

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 109/2023/DS-PT
Ngày: 15/08/2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thanh Ngân**.

Các Thẩm phán: Ông **Hồ Hữu Thắng**
Bà **Trịnh Thị Bích Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Phương Nhã** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà **Lưu Thị Kim Chúc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 74/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thanh H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tiên C**, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: A Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (VBUQ ngày 19/7/2023)

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Hứa Tấn T**, sinh năm 2000 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ. (VBUQ ngày 13/7/2023)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phùng Thị Kiều T1** (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

* Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Tiến C trình bày: Ngày 13/4/2022, bà Trần Thanh H có cho bà Nguyễn Thị K vay số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả tiền. Nguồn tiền cho vay là do bà hốt hụi của ông Đỗ Văn T2 và đưa lại cho bà Nguyễn Thị K vay, khi vay có làm giấy tay, bà K có ký nhận, việc bà Phùng Thị Kiều T1 có ký nhận tiền với tư cách chứng kiến, bà H đưa trực tiếp tiền cho bà K. Nay do cần tiền để sử dụng bà H có yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả tiền nêu trên. Bà K nói đã trả tiền cho bà H rồi nhưng bà H chưa nhận được tiền. Khi bà H hỏi bà K thì bà K nói đã đưa tiền cho em chồng là Phùng Thị Kiều T1 trả cho bà H nhưng đến nay bà H chưa nhận được tiền. Nay nhận thấy quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nên bà Trần Thanh H khởi kiện bà Nguyễn Thị K, yêu cầu bà K trả tổng số tiền nợ 53.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng (06 tháng) là 3.000.000 đồng tiền lãi và tiếp tục tính lãi đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Khoảng tháng 03 âm lịch năm 2022, bà không nhớ ngày, bà có vay của bà Trần Thanh H số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 5.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, 02 ngày sau bà đã trả tiền lại 50.000.000 đồng cho bà H và 2.000.000 đồng tiền lãi. Bà không trực tiếp trả tiền bà H mà đưa tiền cho em chồng bà là Phùng Thị Kiều T1 trả cho bà H. Sau khi T1 trả tiền xong cho bà H, bà có điện thoại xác nhận, bà H nói đã nhận được tiền và đã xé bỏ biên nhận nhận tiền rồi. Khi vay tiền bà H, bà có ký vào giấy nhận nợ nhưng không nhớ rõ nội dung, đối với giấy nhận nợ bà H cung cấp cho Tòa án bà chỉ ký tên với tư cách người làm chứng. Bà có ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà và bà H về việc bà đã trả nợ xong cho bà H, ghi âm vào ngày 02/11/2022, bà đã nộp cho Tòa án. Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng bà Phùng Thị Kiều T1 vắng mặt tại Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thanh H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K.

Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thanh H tổng số tiền 55.750.000 đồng (Năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tạm tính từ ngày 13/4/2022 đến ngày 29/3/2023 là 11 tháng 15 ngày tương ứng số tiền 5.750.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Trần Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Nguyễn Thị K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, tuyên bố không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thanh H, về án phí buộc bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với bản án sơ thẩm.

Phía đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị K, sửa bản án sơ thẩm điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị K thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn bà Trần Thanh H số tiền 50.000.000đồng. Tuy nhiên, phía bà K cho rằng đã trả xong tiền nợ gốc, lãi cho bà H và được bà H xác nhận đã trả xong nợ. Phía bà H cho rằng chưa nhận được tiền của bà K và bà còn giữ biên nhận nhận nợ.

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị K có cung cấp 02 đoạn ghi âm (lưu trữ bằng thẻ nhớ 2GB và USB), thời lượng cuộc ghi âm thứ nhất là 07 phút 31 giây, thời lượng cuộc ghi âm thứ hai là 06 phút 43 giây và tờ tường trình đề ngày 25/11/2022 để chứng minh cho lời trình bày của bà. Tòa án đã cho công khai 02 đoạn ghi âm tại phiên tòa. Phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và phía đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều xác định giọng nói trong 02 đoạn ghi âm là của nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung 02 đoạn ghi âm chỉ xác định bà K có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng, không có lời nào

của bà H khẳng định bà K đã trả xong nợ và bà H không đòi nợ bà K nữa. Do đó, xét thấy đoạn ghi âm đã được các bên đương sự thừa nhận nên được dùng làm chứng cứ chứng minh cho việc bà K có vay của bà H.

[1.2] Bà K cho rằng khi bà T1 đưa tiền xong cho bà H, bà có điện thoại cho bà H xác nhận, bà H nói “đã nhận tiền đủ và đã xé biên nhận vay tiền”. Điều này, chỉ là lời trình bày của bà K, phía đại diện nguyên đơn không thừa nhận, nên không có căn cứ để xem xét.

[1.3] Việc bà K trả tiền cho bà H nhưng không gửi trực tiếp mà đưa qua trung gian là bà Phùng Thị Kiều T1 là em chồng bà K là chưa đúng đối tượng vay – trả theo quy định của pháp luật.

[1.4] Việc bà K đưa tiền cho bà T1. Xét thấy, đó là giao dịch dân sự khác, không liên quan đến việc vay tiền giữa bà H và bà K. Bà K có quyền khởi kiện bà Phùng Thị Kiều T1 thành một vụ án khác, khi có tranh chấp.

[2] Về lãi suất: Phía bà K cho rằng khi vay có thỏa thuận lãi suất là 5.000.000đồng/tháng và đã trả 2.000.000đồng tiền lãi. Đây cũng chỉ là lời trình bày của bà K, phía nguyên đơn không thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét khấu trừ lại cho bà K.

Do các đương sự không có sự thỏa thuận về lãi suất khi cho vay, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì lãi suất theo quy định là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về phần lãi suất 1%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức lãi suất phù hợp là 0.83%/tháng. Vì vậy, số tiền lãi được tính cụ thể từ ngày 13/4/2022 đến ngày 30/3/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) như sau:

Số tiền gốc là 50.000.000 đồng * 0.83% * 11 tháng 17 ngày = 4.800.167 đồng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cũng như phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 166, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị K.

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thanh H.

Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thanh H tổng số tiền 54.800.167 đồng (Năm mươi bốn triệu, tám trăm nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 4.800.167 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 2.740.008 đồng. Bà Trần Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.325.000 đồng theo Biên lai thu số 0012173 ngày 25/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002010 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 15/08/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Ngân